

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu**

- Tên gói thầu: Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy
- Số lượng: 63 xe (sáu mươi ba xe).
- Tên kế hoạch: Kế hoạch mua sắm năm 2025.
- Nguồn vốn: Kinh phí chi an ninh và trật tự an toàn xã hội năm 2025.
- Chủ đầu tư: Cục Trang bị và kho vận, Bộ Công an.
- Bên mời thầu: Cục Trang bị và kho vận, Bộ Công an.
- Địa chỉ Bên mời thầu: Số 377-379 Lương Thế Vinh, Đại Mỗ, Hà Nội.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, không sơ tuyển.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Tối đa 310 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (cho đến ngày nghiệm thu hàng hóa (gồm cả dịch vụ liên quan nếu có) không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành).

**2. Yêu cầu về kỹ thuật**

**2.1. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa:**

Theo quy định tại mục 15.1 - Chương I (Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan), Nhà thầu phải cung cấp tài liệu sau đây:

**a. Đối với xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy.**

- Bảng liệt kê thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo quy định tại Chương V của E-HSMT (bản gốc có đóng dấu và ký xác nhận bởi đại diện hợp pháp của nhà thầu).
- Catalô, tài liệu kỹ thuật của Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy có xác nhận của nhà sản xuất Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy, trong đó có liệt kê đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ của Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy và trang thiết bị kèm theo xe theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT; Bản vẽ kỹ thuật tổng quan của Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy và bản vẽ chi tiết các khoang đặt thiết bị có thể hiện vị trí của từng thiết bị tại bảng yêu cầu kỹ thuật bắt buộc (các bản vẽ có xác nhận của nhà sản xuất Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy).

**b. Đối với xe cơ sở dùng sản xuất xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy.**

- Bản gốc catalô, tài liệu kỹ thuật của xe cơ sở được xác nhận bởi nhà sản xuất Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy (trong đó có các nội dung như model xe cơ sở, model (mã kiểu loại) động cơ, công suất động cơ, công thức bánh xe, khối lượng toàn bộ (trong đó có khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe cơ sở)... đảm bảo đầy đủ thông số kỹ thuật mà E-HSMT yêu cầu.

- Trường hợp xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy sản xuất trong nước: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới do Cục Đăng kiểm cấp cho xe cơ sở.

- Trường hợp xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy nhập khẩu: Nhà thầu có bản cam kết các thông số kỹ thuật liên quan xe cơ sở đáp ứng đầy đủ quy định lưu hành tại Việt Nam (kích thước, tiêu chuẩn khí thải động cơ, đèn chiếu sáng và tín hiệu, hệ thống phanh...), đồng thời cam kết thực hiện kiểm định tại cơ quan chức năng khi Bên mời thầu yêu cầu, mọi chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Nếu xe cơ sở không đáp ứng, Bên mời thầu không nhận toàn bộ lô hàng và Nhà thầu chịu phạt theo quy định của hợp đồng.

**c. Đối với thiết bị chuyên dùng trên xe gồm: Máy nén khí không dầu, Đèn tìm kiếm di động, Máy phát điện, Bơm chữa cháy khiêng tay.**

- Bản gốc Catalô, tài liệu kỹ thuật của có xác nhận của nhà sản xuất Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy, trong đó có các nội dung như Hãng sản xuất, model thiết bị, thông số kỹ thuật, xuất xứ... đầy đủ theo yêu cầu của E-HSMT và của sản phẩm.

- Bơm chữa cháy khiêng tay: Giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy còn hiệu lực do cơ quan chức năng cấp theo quy định của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. Trường hợp xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy nhập khẩu: Nhà thầu có bản cam kết các thông số kỹ thuật liên quan Bơm chữa cháy khiêng tay đáp ứng đầy đủ quy định kiểm định, lưu thông tại Việt Nam, đồng thời bàn giao tài liệu trên trước khi giao hàng, mọi chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Nếu Bơm chữa cháy khiêng tay không có các tài liệu nêu trên, Bên mời thầu không nhận toàn bộ lô hàng và Nhà thầu chịu phạt theo quy định của hợp đồng.

#### **d. Yêu cầu khác.**

- Trong quá trình đánh giá E-HSDT, nếu cần thiết Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu hợp pháp hóa lãnh sự các tài liệu nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 và Nghị định số 196/2025/NĐ-CP ngày 04/7/2025 của Chính phủ. Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp được tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì được đánh giá là không đáp ứng.

- Đối với các tài liệu kỹ thuật như bảng liệt kê thông số kỹ thuật, catalô của Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy, xe cơ sở, các thiết bị chuyên dùng kèm theo xe, bản vẽ kỹ thuật: trường hợp có thông số kỹ thuật không thống nhất giữa các tài liệu thì bên mời thầu sẽ đề nghị làm rõ theo quy định. Trường hợp Nhà thầu không làm rõ, Bên mời thầu sẽ sử dụng thông số thấp nhất nêu tại các tài liệu hoặc xác định là không chào nếu một trong các tài liệu không nêu thông số kỹ thuật làm cơ sở đánh giá E-HSDT của Nhà thầu.

- Trường hợp E-HSDT thiếu các tài liệu nêu trên, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu làm rõ theo quy định. Trường hợp nhà thầu không cung cấp bổ sung theo yêu cầu thì E-HSDT không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.

- Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật, công chứng sang tiếng Việt.

#### **2.2 Yêu cầu kỹ thuật bắt buộc.**

Nhà thầu phải đáp ứng toàn bộ các thông số kỹ thuật bắt buộc theo bảng dưới đây và lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật chi tiết kèm theo:

| STT | DANH MỤC                                         | THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Mô tả chung                                      | <ul style="list-style-type: none"><li>- Xe tải đóng thùng kín, cabin đơn, hai cầu chủ động, có bàn nâng hạ phía sau, tải trọng chở được sau khi hoán cải <math>\geq 5</math> tấn, trên thùng xe thiết kế các vị trí phù hợp cho phép cố định và chở được tối thiểu 01 bơm chữa cháy khiêng tay, 01 máy nén khí, 01 máy phát điện, 01 bộ thiết bị cứu hộ thủy lực, 01 bộ cứu hộ trên cao, 6-10 bộ SCBA, 6-20 bộ quần áo chữa cháy, bình chữa cháy cầm tay, thiết bị phá dỡ cầm tay (rìu, búa, đục, xẻng...). Lắp đặt thiết bị phát tín hiệu dành cho xe được quyền ưu tiên.</li><li>- Màu xe: Màu đỏ RAL3000</li><li>- Tay lái thuận bên trái, có trợ lực</li><li>- Xe sản xuất năm 2025 trở đi, mới 100 %.</li><li>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7, Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), Liên minh Châu Âu (EU), Việt Nam</li></ul> |
| 2   | Xe cơ sở                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 2.1 | Hệ thống truyền động                             | 2 cầu chủ động (4x4)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2.2 | Chiều dài cơ sở-Wb (mm)                          | $\geq 4150$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2.3 | Khối lượng toàn bộ theo thiết kế lớn nhất G (kg) | $13000 \leq G \leq 15000$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2.4 | Số người cho phép chở, kể cả người lái           | 03 người, ghế lái và ghế phụ trong cabin trang bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT      | DANH MỤC                                                                                                                           | THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                                                                                                                    | dây đai an toàn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2.5      | Xuất xứ                                                                                                                            | Các nước thuộc nhóm G7, Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), Liên minh Châu Âu (EU), Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>3</b> | <b>Xe hoàn chỉnh</b>                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 3.1      | Tải trọng toàn phần của xe sau cải tạo so với trọng tải tối đa được thiết kế cho xe sắt xi                                         | $\leq 95\%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 3.2      | Tỷ lệ công suất động cơ của xe chữa cháy: Công suất tối đa (kW)/Tổng tải trọng Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy đủ tải (tấn) | $\geq 14$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 3.3      | Tốc độ cao nhất (km/h)                                                                                                             | $\geq 90$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 3.4      | Thời gian tăng tốc (0÷60km/h)                                                                                                      | $\leq 35$ giây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 3.5      | Khả năng vượt dốc                                                                                                                  | $\geq 20\%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 3.6      | Khoảng sáng gầm xe-Gr (mm)                                                                                                         | $\geq 200$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3.7      | Kích thước tổng thể (mm)                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 3.7.1    | Chiều dài-D                                                                                                                        | $7500 \leq D \leq 12000$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3.7.2    | Chiều rộng-R                                                                                                                       | $2400 \leq R \leq 2500$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3.7.3    | Chiều cao-C                                                                                                                        | $3200 \leq R \leq 4000$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3.8      | Cabin xe                                                                                                                           | Cabin đơn, 2 cửa.<br>Đáp ứng đầy đủ quy định tại Điểm 5.5.3 Khoản 5.5 Mục 5 TCVN 13316-1:2021 về yêu cầu kỹ thuật cabin.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3.9      | Trang bị hệ thống phát tín hiệu dành cho xe được quyền ưu tiên                                                                     | Trang bị thiết bị phát tín hiệu giành cho xe chữa cháy.<br>- Yêu cầu kỹ thuật của đèn phát tín hiệu ưu tiên: loại đèn kép, màu đỏ; công suất (W) 36÷280; Cường độ sáng $\geq 21,6$ cd; Tốc độ quay của chao đèn hoặc tần số chớp (vòng hoặc lần/phút) 60÷240<br>- Yêu cầu kỹ thuật còi phát tín hiệu ưu tiên: Tần số (Hz) 500÷1600; Công suất ra (W) 100÷200; Cường độ âm thanh (dB) 125÷135; Chu kỳ còi phát ra (lần/phút) 90±10%; Chế độ còi ưu tiên WAIL |
| <b>4</b> | <b>Động cơ và vận hành</b>                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 4.1      | Dung tích thùng nhiên liệu (lít)                                                                                                   | $\geq 200$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4.2      | Công suất tối đa (kW)                                                                                                              | $\geq 175$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4.3      | Momen xoắn tối đa (Nm)                                                                                                             | $\geq 700$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4.4      | Tiêu chuẩn khí thải                                                                                                                | Euro 5 trở lên hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>5</b> | <b>Trang bị tiện nghi</b>                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 5.1      | Điều hòa nhiệt độ                                                                                                                  | Trang bị loại hai chế độ nóng/lạnh tại cabin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 5.2      | Hệ thống âm thanh                                                                                                                  | AM/FM radio                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 5.3      | Hệ thống camera hành trình                                                                                                         | Trang bị camera hành trình, camera lùi, camera quan sát hai bên hông xe và màn hình hiển thị đồng bộ trong cabin, màn hình lắp đặt tại vị trí cho phép người lái xe quan sát thuận tiện                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>6</b> | <b>Thùng xe</b>                                                                                                                    | Thùng xe được đóng thành hai khu vực chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 6.1      | Khoang chuyên dùng phía trước ngay                                                                                                 | Khu vực thứ nhất (ngay sau cabin) được chia làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT | DANH MỤC                    | THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | sau cabin                   | <p>4 khoang, kết cấu từng khoang:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khoang phía trước bên lái để bơm khiêng tay dưới thấp, thiết bị phụ kiện bơm khiêng tay để phía trên. Trang bị 01 bơm khiêng tay và phụ kiện đi kèm.</li> <li>+ Khoang phía trước bên phụ để máy nén khí dưới thấp, thiết bị phụ kiện máy nén khí và lăng giá phun... phía trên. Trang bị 01 máy nén khí và phụ kiện đi kèm.</li> <li>+ Khoang phía sau bên lái để lăng giá chữa cháy, cuộn vòi, giá để bộ thiết bị thở SCBA, giá để thiết bị phá dỡ, rìu, búa, cưa....</li> <li>+ Khoang phía sau bên phụ để máy phát điện phía dưới, thiết bị phụ kiện máy phát điện, bình khí nén... phía trên; Trang bị 01 máy phát điện, công suất liên tục <math>\geq 5\text{KVA}</math>;</li> <li>+ Vị trí đặt bơm khiêng tay, máy nén khí, máy phát điện là cơ cấu cơ khí kiểu ngăn kéo hoặc giá tay đòn đóng mở <math>45^\circ</math> hoặc tay đòn nâng-hạ cho phép giữ cố định thiết bị nhưng vẫn hỗ trợ người sử dụng đưa thiết bị ra hoặc đặt thiết bị vào vị trí đặt thuận lợi.</li> </ul> <p>Toàn bộ khu vực thứ nhất và các khoang được thiết kế có khung chịu lực bằng thép không gỉ hoặc hợp kim nhôm, đảm bảo độ cứng, độ bền, không oxi hóa. Bao xung quanh và sàn các khoang bằng tấm hợp kim nhôm hoặc tấm thép không gỉ, độ dày <math>\geq 3\text{mm}</math>, sàn khoang dập gân sàn chống trượt, có vị trí thoát nước nhưng vẫn đảm bảo độ kín và chịu lực của các khoang. Tất cả cửa các khoang được làm bằng cửa cuốn hợp kim nhôm, chống bụi, thấm và thoát nước.</p> <p>Trong các khoang có đèn chiếu sáng bóng LED cơ cấu bật tắt tự động liên động với đóng mở cửa cuốn.</p> |
| 6.2 | Khoang chuyên dùng phía sau | <p>Khu vực thứ hai được đóng thành thùng kín:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trang bị một cửa hông, bên phụ, cuối thùng xe, có bậc lên xuống chuyên dụng, sử dụng cửa cuốn hợp kim nhôm, chống bụi, thấm và thoát nước.</li> <li>+ Phía cuối xe trang bị một bửng nâng có tải trọng <math>\geq 500\text{kg}</math></li> <li>+ Trang bị một cửa phía cuối thùng xe, cơ cấu mở cửa kiểu container.</li> <li>+ Phía trong thùng được gia cố chắc chắn, thành thùng phía trước (hướng về cabin) được chia thành các khoang chứa, cho phép chứa 01 bộ thiết bị cứu hộ trên cao (cho phép để thiết bị có kích thước dài <math>\geq 2200\text{mm}</math>, rộng <math>\geq 650\text{mm}</math>, cao <math>\geq 200\text{mm}</math>), quần áo chữa cháy các loại (có khu vực để quần áo đã gấp gọn <math>\geq</math> và khu vực để quần áo treo).</li> <li>+ Sàn thùng xe được gia cố chắc chắn, có các vị</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT | DANH MỤC            | THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | <p>trí neo, móc thuận tiện để giữ cố định các thiết bị vật tư chữa cháy, cứu nạn cứu hộ vận chuyển trên thùng xe (bộ thiết bị cứu hộ thủy lực, modul thiết bị chữa cháy...).</p> <p>+ Toàn bộ khu vực thứ hai được thiết kế có khung chịu lực bằng thép không gỉ hoặc hợp kim nhôm, đảm bảo độ cứng, độ bền, không oxi hóa. Bao xung quanh thùng xe là các tấm hợp kim nhôm, độ dày <math>\geq 3\text{mm}</math>. Sàn thùng xe là tấm thép không gỉ, độ dày <math>\geq 3\text{mm}</math>, dập gân sàn chống trượt, có vị trí thoát nước nhưng vẫn đảm bảo độ kín và chịu lực của sàn thùng xe.</p> <p>+ Trang bị hệ thống đèn chiếu sáng trong các khoang chứa thiết bị, quần áo và đèn chiếu sáng trên nóc, phía trong thùng xe.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 6.3 | Nóc thùng xe        | <p>- Nóc thùng xe được xác định nóc của khu vực thứ nhất và khu vực thứ hai. Nóc thùng được gia cố chắc chắn, bọc tấm hợp kim nhôm hoặc thép không gỉ, độ dày <math>\geq 3\text{mm}</math>, mặt trên dập gân sàn chống trơn trượt.</p> <p>- Có thiết kế vị trí để ống hút nước chữa cháy các loại, ống hút nước chữa cháy của bơm chữa cháy khiêng tay trên xe, thang chữa cháy các loại. Vị trí đặt ống hút nước chữa cháy các loại và thang chữa cháy được thiết kế độc lập, không bị thiết bị khác đè lên, dễ dàng khi lấy và đặt lại vào vị trí để, có đai neo giữ chắc chắn.</p> <p>- Các vị trí nóc xe và trên mặt nóc xe phải có hàng rào bao quanh và có chiều cao tối thiểu 100mm và lớp chống trượt, không có độ nghiêng, thiết kế rãnh thoát nước hợp lý, không gây đọng nước trên nóc xe.</p> <p>- Có thiết kế thang leo lên nóc xe, đảm bảo cứng, vững. Khoảng cách giữa các bậc không lớn hơn 300mm, điểm thấp nhất của thang so với mặt đất không lớn hơn 450mm, khoảng cách từ thân xe đến thang không nhỏ hơn 150mm. Bậc cao nhất của thang so với đỉnh xe chữa cháy không lớn hơn 300 mm, khoảng cách điểm cuối đỉnh tay vịn đến bậc chân đỉnh xe không nhỏ hơn 300 mm. Chiều rộng của thang trèo không nhỏ hơn 250 mm, các bậc thang chịu tải trọng tối thiểu 300 kg trên chiều rộng 50 mm mà không bị rạn nứt</p> |
| 6.4 | Xung quanh thùng xe | <p>- Hai bên thùng xe: phía trên lắp đèn chiếu sáng phạm vi xung quanh xe, mỗi bên lắp tối thiểu 04 đèn. Các vị trí bậc lên xuống hai bên thùng xe có dán phản quang, các bậc lên xuống có lắp đèn LED cảnh báo, kích thước, độ cao của các bậc lên xuống theo tiêu chuẩn TCVN 13316-1:2021. Hai bên thùng xe tại Khu vực thứ hai, có thiết kế cửa thông gió, dạng cửa chớp, đảm bảo tính thông gió</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT | DANH MỤC                              | THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                       | <p>nhưng không thấm nước vào phía trong thùng xe.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phía sau thùng xe: Phía trên lắp đèn chiếu sáng phạm vi xung quanh, tối thiểu 02 đèn. Trang bị đèn cảnh báo, dán phản quang cảnh báo với phương tiện phía sau khi xe di chuyển, xe dừng đỗ làm nhiệm vụ.</li> <li>- Phải có dấu hiệu cảnh báo bằng dải phản quang bên ngoài thân xe, chiều dài dải phản quang phải lớn hơn 2/3 chiều dài của thân xe.</li> <li>- Bậc trên thân xe chỗ lấy phương tiện của khoang thiết bị, độ cao từ mặt đất đến vị trí nhân viên chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đứng lấy phương tiện không lớn hơn 450 mm, chiều dài không nhỏ hơn 300 mm, độ sâu không nhỏ hơn 200 mm và phải có chiếu sáng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 6.5 | Quy định chung về thùng xe            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết cấu thùng xe sau hoán cải đảm bảo cứng vững, tuân thủ đầy đủ các quy định nêu trên và các quy định tại TCVN 13316-1, 2, 3: 2021 (nếu có).</li> <li>- Các khoang chứa thiết bị đảm bảo độ cứng, độ bền, không oxy hóa, thoát nước, không thấm nước; có thiết kế các chi tiết cố định, neo, giữ thiết bị nhưng đảm bảo tính độc lập của từng thiết bị, không xảy ra va chạm, ma sát giữa thiết bị với khoang chứa cũng như các thiết bị với nhau trong quá trình sử dụng cũng như khi xe di chuyển tại mọi điều kiện địa hình, tốc độ.</li> <li>- Cánh cửa của khoang thiết bị khi được mở và đóng lại phải thuận tiện, không có hiện tượng kẹt hoặc mất cân bằng. Cửa thiết bị nên được làm bằng vật liệu chống ăn mòn hoặc vật liệu được xử lý bề mặt. Vị trí cửa khoang thiết bị phải thuận tiện cho nhân viên chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ dễ thao tác, lấy phương tiện, thiết bị. Cửa khoang thiết bị phải có khóa, cửa không được tự động mở, đóng khi xe đang chạy hoặc không sử dụng.</li> <li>- Việc thiết kế, sắp xếp khoang chứa thiết bị theo nguyên tắc: thiết bị có khối lượng, kích thước lớn để phía dưới, thiết bị có khối lượng, kích thước nhỏ hơn để phía trên.</li> <li>- Trường hợp kết cấu xe cơ sở khác biệt, vị trí đặt bơm chữa cháy khiêng tay, máy nén khí, máy phát điện có thể thay đổi được bố trí ở bên phía ghế lái hoặc bên phía ghế phụ, phía trước hoặc phía sau nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc nêu trên và ở khu vực thứ nhất và ở vị trí thấp.</li> <li>- Các dụng cụ, công tắc, vị trí để thiết bị trên xe phải có biển hướng dẫn bằng tiếng Việt, biển được gắn cố định chắc chắn không bị rơi do rung, nhiệt độ cao, nước xối vào và các lý do khác, phải có chữ đọc rõ ràng.</li> </ul> |
| 6.6 | Yêu cầu cố định phương tiện, thiết bị | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phải có các biện pháp cố định vị trí và có không</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT | DANH MỤC                                | THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | trên xe                                 | <p>gian cho các phương tiện, thiết bị.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thiết bị trong khoang phương tiện phải bảo đảm lấy phương tiện dễ dàng và thuận lợi, các thiết bị khi xe đang chạy không được rời khỏi vị trí cố định.</li> <li>- Chịu lực của khung khoang phương tiện, thiết bị phải đáp ứng các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung phải bảo đảm có độ bền, độ cứng vững chịu lực của thiết bị và dụng cụ để tránh làm hỏng thiết bị.</li> <li>+ Giá đỡ phải có chức năng khóa, có thể khóa chắc chắn khung khi xe đang chạy và có thể dễ dàng mở khóa khi sử dụng.</li> </ul> </li> <li>- Khu vực để thiết bị hỗ trợ thở cá nhân (SCBA) phải đáp ứng các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phải bố trí vị trí, không gian lưu giữ SCBA và bình khí dự phòng tránh bị mòn hoặc hư hỏng.</li> <li>+ Thiết bị giữ cố định SCBA không được gây xước, mài mòn, hư hỏng cho mặt nạ, bình khí và không gây hư hỏng lớp phủ bề mặt bên ngoài.</li> <li>+ Khu vực lưu trữ của thiết bị thở hoặc bình khí dự phòng phải giữ khoảng cách xa các nguồn nhiệt (như bộ giảm thanh, ống xả, động cơ) và thông gió khô ráo.</li> <li>+ Cất giữ bình khí, phụ tùng thiết bị thở bằng khí nén theo chiều dọc phần tựa lưng.</li> <li>+ Mỗi bình khí dự phòng phải lắp van và bổ sung đầy khí theo quy định.</li> <li>+ Các SCBA, bình khí dự phòng phải có thiết bị bảo vệ làm bằng nhựa hoặc cao su hoặc loại tương tự để tránh sự hao mòn của bình khí, ngăn chặn các vật bên ngoài vô tình rơi vào gây hư hỏng.</li> <li>+ Vị trí lưu trữ SCBA, bình khí dự phòng phải phải thiết kế thoát nước.</li> <li>+ Thiết bị khí thở, bình khí dự phòng phải được bố trí hợp lý và không bị di chuyển trong quá trình vận hành, tránh va chạm hoặc cọ sát với các thiết bị hay vật dụng khác.</li> <li>+ Phía sau khu vực đặt thiết bị khí thở, bình khí dự phòng phải dùng các biện pháp chống ăn mòn bình khí bằng các vật liệu như cao su, nhựa hoặc tương tự.</li> </ul> </li> </ul> |
| 6.7 | Yêu cầu tấm chèn bánh                   | Xe chữa cháy phải được trang bị ít nhất hai tấm chèn bánh xe. Xe chữa cháy không được di chuyển trong trạng thái đầy tải khi dừng ở sườn dốc có độ nghiêng 20%, cần số đặt ở vị trí N, tấm chèn bánh được đặt vào bánh xe và phanh đỗ được nhả ra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 6.8 | Yêu cầu tính năng độ kín chống nước mưa | Xe phải có tính năng, độ kín chống nước mưa tốt, cabin, thiết bị điện, khoang thiết bị và các thiết bị điện, đèn cảnh báo, đèn nhấp nháy... trong                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| STT | DANH MỤC                      | THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                               | khoang chứa thiết bị và xung quanh xe không được rò rỉ nước chảy vào.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 6.9 | Yêu cầu chất lượng ngoại quan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên ngoài xe chữa cháy phải sơn màu đỏ. Lớp sơn phải mịn, bằng phẳng và đồng đều về màu sắc, không có lỗi như thiếu sơn, trong phạm vi 1000 mm x 1000 mm có độ phẳng và độ phẳng các đường viền sau và hai bên thân xe không lớn hơn 3mm. Các bộ phận được sơn không có màu sắc và độ bóng kém rõ rệt. Trang trí bề mặt không được có lỗ chỗ, lấm tấm, nhiều màu sắc, vết nứt, bọt khí, vết dòng và các vết trầy xước rõ ràng và các khuyết tật khác; bề mặt phi trang trí không được để lộ ra vết trầy xước, các gờ ráp rõ ràng và các lỗi khác.</li> <li>- Bề mặt của lớp mạ và lớp xử lý hóa học của xe chữa cháy phải đồng nhất về màu sắc và không có khuyết tật như bôi nhọ, bong bóng, bong tróc, rỉ sét, tiếp xúc với đất, vết trầy xước và gờ rõ ràng.</li> <li>- Các điểm hàn, hàn nối trên xe chữa cháy, bề mặt mối hàn phải bằng phẳng, đồng nhất, không hiển thị các tích tụ và nổi tung rõ ràng, không có hiện tượng rỉ, ngậm xỉ, cạnh, vết nứt, lỗ khí, bờ cạnh, vết cháy, lỗi lõm và các khuyết điểm khác.</li> <li>- Bề mặt của các bộ phận bằng nhựa của xe chữa cháy phải đồng đều về màu sắc và không có các khuyết điểm rõ ràng như vết trầy xước, cạnh chóp, vết nứt, va đập và các khuyết tật khác.</li> </ul> |
| 7   | <b>Bửng nâng hạ</b>           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 7.1 | Kiểu loại                     | Kiểu bàn nâng 1 tấm liền đặt ở đuôi thùng xe. Khi xe di chuyển bửng sẽ gấp sát với cửa sau thùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 7.2 | Cơ cấu hoạt động              | Nâng hạ bằng xylanh thủy lực. Có tính năng dừng khẩn cấp khi quá tải, tự động giảm tốc độ khi mặt bàn nâng sắp chạm mặt đất và gấp bửng; trang bị khóa, chốt an toàn để cố định bửng trong trạng thái gấp lúc xe di chuyển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 7.3 | Vật liệu mặt bàn nâng         | Khung xương bằng thép đảm bảo độ cứng, độ bền, sơn chống oxi hóa. Mặt trên bàn bằng thép không gỉ dày $\geq 3\text{mm}$ , dập gân chống trượt. Kích thước mặt bửng phù hợp với kích thước mặt sau thùng xe.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 7.4 | Tải trọng nâng                | $\geq 500\text{ kg}$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 7.5 | Điều khiển bàn nâng           | Cho phép hai chế độ điều khiển gồm điều khiển trực tiếp tại bảng điều khiển hoặc sử dụng tay cầm nổi dài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 8   | <b>Thiết bị kèm theo xe</b>   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 8.1 | Máy nén khí không dầu         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị 01 chiếc.</li> <li>- Sử dụng nguồn động cơ điện từ máy phát điện lắp trên xe hoặc sử dụng động cơ đốt trong của máy nén khí</li> <li>- Áp suất làm việc tối đa <math>\geq 0,8\text{Mpa}</math></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| STT | DANH MỤC                                                        | THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng khí tối đa <math>\geq 100</math> lít/phút</li> <li>- Trọng lượng <math>\leq 55</math>kg</li> <li>- Trường hợp sử dụng nguồn động cơ điện từ máy phát điện lắp trên xe thì phải có vị trí đấu nối đảm bảo an toàn điện và phòng chống cháy nổ.</li> <li>- Trang bị đầy đủ phụ kiện theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất</li> <li>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 8.2 | Đèn tìm kiếm di động                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị 01 chiếc</li> <li>- Đèn chiếu sáng sử dụng pin, pin có khả năng sạc; thời gian sử dụng chiếu sáng liên tục sau khi sạc đầy <math>\geq 6</math> giờ tại chế độ hoạt động chiếu sáng tối đa.</li> <li>- Công suất của đèn chiếu sáng <math>\geq 100</math>W</li> <li>- Cho phép điều chỉnh chế độ chiếu sáng góc rộng, chiếu sáng điểm</li> <li>- Chiều cao của đèn khi triển khai <math>\geq 1</math>m</li> <li>- Khối lượng <math>\leq 16</math> kg</li> <li>- Cấp độ bảo vệ IP68 trở lên</li> <li>- Đèn chiếu sáng có chân giá để đèn, đèn có thể kết nối đồng bộ với máy phát điện trên xe để sạc pin</li> <li>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU)</li> </ul> |
| 8.3 | Máy phát điện                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị 01 chiếc</li> <li>- Điện áp 220V/50Hz</li> <li>- Công suất liên tục <math>\geq 5</math>kVA</li> <li>- Trang bị đầy đủ phụ kiện theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất</li> <li>- Trang bị kèm theo trống điện có ổ cắm, phích cắm tiêu chuẩn, tổng chiều dài dây dẫn điện của các trống điện <math>\geq 500</math>m</li> <li>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 8.4 | Bơm chữa cháy khiêng tay                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị 01 chiếc</li> <li>- Sử dụng động cơ xăng 2 kỳ hoặc 4 kỳ, công suất động cơ <math>\geq 20</math>kW. Khởi động bằng nút bấm đề điện hoặc kéo tay, lưu lượng bơm <math>\geq 1350</math> lít/phút tại áp suất tương ứng (<math>\geq 7</math> bar)</li> <li>- Khối lượng <math>\leq 100</math> kg</li> <li>- Trang bị đầy đủ phụ kiện theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất</li> <li>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                       |
| 9   | <b>Phụ kiện đi kèm theo xe theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 9.1 | Lốp dự phòng                                                    | 01 chiếc theo tiêu chuẩn Nhà sản xuất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 9.2 | Bộ dụng cụ trang bị theo xe cơ sở của Nhà sản xuất              | 01 bộ theo tiêu chuẩn Nhà sản xuất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

### 3. Các yêu cầu khác:

#### 3.1 Yêu cầu về bảo hành.

Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện hoặc ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (sau đây viết tắt là **nghĩa vụ bảo hành**) cho 63 Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy (bao gồm Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy, xe cơ sở và thiết bị chuyên dùng) thì phải đáp ứng các yêu cầu sau:

**a. Số lượng địa điểm bảo hành:** Tối thiểu 12 địa điểm trở lên tại 03 miền Bắc, Trung, Nam (mỗi miền tối thiểu 04 địa điểm).

- Miền Bắc gồm các tỉnh từ Ninh Bình trở ra phía Bắc.
- Miền Trung gồm các tỉnh từ Thanh Hóa đến Lâm Đồng.
- Miền Nam từ Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh đổ vào phía Nam.

**b. Thời gian bảo hành:**

+ Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy: Tối thiểu 3 năm không giới hạn số kilomet.

+ Xe cơ sở: Tối thiểu 3 năm hoặc 100.000 km tùy điều kiện nào đến trước.

+ Thiết bị chuyên dùng (gồm: Máy nén khí không dầu, Đèn tìm kiếm di động, Máy phát điện, Bơm chữa cháy không tay): Tối thiểu 3 năm.

**c. Yêu cầu về địa điểm bảo hành:**

Các địa điểm, cơ sở bảo hành phải được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô theo quy định tại Nghị định 116/2017/NĐ-CP ngày 17/10/2017 của Chính phủ.

**d. Tài liệu chứng minh:**

- Bản sao giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp trong đó loại phương tiện bảo hành, bảo dưỡng có tối thiểu một trong các danh mục: xe ô tô tải/xơ ô tô sát xi tải/xơ ô tô sát xi có buồng lái. Không chấp nhận danh mục xe ô tô tải (pick up)/xe ô tô con/xơ ô tô tải (sử dụng động cơ xăng).

- Hợp đồng/văn bản liên kết/thỏa thuận nguyên tắc (bản gốc hoặc bản sao y công chứng) của Nhà thầu đối với các đơn vị, cơ sở bảo hành.

\* Trường hợp nhà thầu có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp dịch vụ sau bán hàng (sau đây gọi tắt là dịch vụ bảo hành) nhưng không đủ số lượng địa điểm bảo hành thì nhà thầu có thể ký hợp đồng hoặc thỏa thuận nguyên tắc với các đơn vị, cơ sở có đủ khả năng thực hiện dịch vụ bảo hành để đảm bảo tối thiểu 12 địa điểm bảo hành trở lên theo các yêu cầu nêu trên.

**4. Yêu cầu về cam kết cung cấp phụ tùng thay thế và bảo dưỡng hàng hóa**

- Nhà thầu cung cấp cam kết cung cấp phụ tùng thay thế (theo giá thị trường) sau khi hết thời gian bảo hành, đảm bảo tối thiểu 15 năm kể từ khi bàn giao hàng hóa cho Chủ đầu tư.

- Nhà thầu cung cấp cam kết thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng từng Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy mỗi năm một lần trong thời gian 03 năm đầu đối với toàn bộ lô hàng 63 Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy (có xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng hoặc đại diện Kho lưu hàng của Chủ đầu tư).

## **Mục 2. Kiểm tra và thử nghiệm**

### **I. Đối với Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy nhập khẩu**

#### **1. Kiểm tra 01 Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy đầu tiên tại nơi sản xuất.**

Sau khi nhà sản xuất hoàn thiện phần thô của 01 Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy đầu tiên của hợp đồng: đã hoàn thành lắp đặt phần thân Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy từ xe cơ sở gồm kết cấu chính như: khung xe, các khoang chứa thiết bị, bình nâng (*có thể chưa đầy đủ thiết bị chuyên dùng kèm theo xe*) và/hoặc hoàn thiện 01 Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy hoàn chỉnh đầu tiên có đầy đủ thiết bị; Nhà thầu có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư tổ chức đoàn kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật tại nước ngoài. Bên mời thầu sẽ cử đoàn kiểm tra gồm 04 cán bộ để nghiệm thu, đánh giá sơ bộ 01 xe mẫu đầu tiên từng hợp đồng so với các tiêu chuẩn kỹ thuật tại Hợp đồng, góp ý hoàn thiện sản phẩm nếu cần thiết để nhà sản xuất tiếp tục sản xuất hàng hóa. Thời gian kiểm tra trong vòng 10 ngày làm việc. Mọi chi phí kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa do Nhà thầu chịu.

#### **2. Kiểm tra nghiệm thu cả lô hàng.**

**\* Kiểm tra tại nơi sản xuất:** Trước khi Nhà thầu đưa toàn bộ lô hàng về Việt Nam (trường hợp Nhà thầu có đề xuất nhập trước từ 01 - 03 xe để làm các thủ tục đăng kiểm, kiểm định, Chủ đầu tư sẽ kiểm tra số xe còn lại), Chủ đầu tư sẽ cử 04 cán bộ kiểm tra số xe còn lại thuộc hợp đồng tại nơi sản xuất trong thời gian 10 ngày làm việc (toàn bộ chi phí do Nhà thầu chịu). Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho Bên mời thầu giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, các chứng từ liên quan đến hàng hóa, nhãn hiệu, model, số khung, số máy. Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra theo hai bước:

+ Bước 1: Tiến hành kiểm tra màu sơn, ngoại quan; Kiểm tra tổng thể toàn bộ các phương tiện, thiết bị kèm theo xe, đảm bảo chất lượng, đúng model, xuất xứ và đủ về số lượng, đối chiếu các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của hợp đồng.

+ Bước 2: Chọn ngẫu nhiên 06 xe để vận hành, kiểm tra sự hoạt động đồng bộ của các thiết bị, hệ thống của xe; kiểm tra tính năng và yêu cầu kỹ thuật, nếu đạt sẽ lập biên bản kiểm tra và Nhà thầu làm các thủ tục đưa hàng về Việt Nam.

- **Kiểm tra tại Việt Nam (các địa điểm bàn giao hàng hóa):** Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra hồ sơ của lô hàng (hồ sơ nhập khẩu, tờ khai hải quan và giấy tờ có liên quan theo quy định của Hợp đồng trừ hóa đơn VAT có thể cung cấp sau

thời điểm kiểm tra, nghiệm thu) nếu đúng và đầy đủ như trong hợp đồng cùng với biên bản kiểm tra thử nghiệm tại nơi sản xuất (nếu có) sẽ tiến hành kiểm tra, nghiệm thu; các bước tiến hành kiểm tra hàng như kiểm tra tại nơi sản xuất (chọn ngẫu nhiên 02 xe để vận hành, kiểm tra tại mỗi địa điểm nghiệm thu, bàn giao hàng hóa).

Trong trường hợp Chủ đầu tư không tổ chức đoàn đi kiểm tra hàng hóa tại nơi sản xuất thì Nhà thầu tự tiến hành kiểm tra hàng hóa tại nơi sản xuất và có biên bản kiểm tra theo đúng trình tự nêu trên, đồng thời kinh phí tổ chức đoàn đi kiểm tra hàng hóa tại nước ngoài sẽ được trừ vào giá chào thầu theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính.

## **II. Đối với Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy sản xuất trong nước:**

### **1. Kiểm tra 01 Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy đầu tiên tại nơi sản xuất**

Sau khi nhà sản xuất hoàn thiện phần thô 01 Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy đầu tiên của hợp đồng: đã hoàn thành lắp đặt phần thân Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy từ xe cơ sở gồm kết cấu chính như: khung xe, các khoang chứa thiết bị, bửng nâng (*có thể chưa đầy đủ thiết bị chuyên dùng kèm theo xe*) và/hoặc hoàn thiện 01 Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy hoàn chỉnh đầu tiên có đầy đủ thiết bị; Nhà thầu có văn bản thông báo v tổ chức đoàn kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật tại nơi sản xuất. Chủ đầu tư sẽ cử đoàn kiểm tra gồm 04 cán bộ kiểm tra xe mẫu thuộc hợp đồng để nghiệm thu, đánh giá sơ bộ xe mẫu so với các tiêu chuẩn kỹ thuật tại Hợp đồng, góp ý hoàn thiện sản phẩm nếu cần thiết để nhà sản xuất tiếp tục sản xuất hàng hóa. Mọi chi phí kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa do Nhà thầu chịu.

### **2. Kiểm tra, nghiệm thu cả lô hàng**

Sau khi nhà sản xuất hoàn thành sản xuất toàn bộ lô 63 Xe chở phương tiện, thiết bị chữa cháy, Nhà thầu có văn bản thông báo đề nghị giao hàng cho Chủ đầu tư theo các địa điểm quy định tại hợp đồng, đồng thời cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ có liên quan để Chủ đầu tư kiểm tra, đối chiếu (trừ hóa đơn VAT có thể cung cấp sau thời điểm kiểm tra, nghiệm thu). Nếu đạt sẽ tiến hành kiểm tra theo 2 bước:

+ Bước 1: Tiến hành kiểm tra màu sơn, ngoại quan; Kiểm tra tổng thể toàn bộ các phương tiện, thiết bị kèm theo xe, đảm bảo chất lượng, đúng model, xuất xứ và đủ về số lượng, đối chiếu các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của hợp đồng.

+ Bước 2: Chọn ngẫu nhiên 02 xe tại mỗi địa điểm nghiệm thu, bàn giao để vận hành, kiểm tra sự hoạt động đồng bộ của các thiết bị, hệ thống của xe; kiểm tra tính năng và yêu cầu kỹ thuật. Nếu đạt yêu cầu hai bên ký biên bản nghiệm thu, thực hiện các thủ tục tiếp nhận bàn giao hàng hóa.

### **3. Yêu cầu chung:**

Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu (thời gian, nội dung, phương pháp...) do Chủ đầu tư quyết định. Bất kỳ xe nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng (*không đúng model, xuất xứ, năm sản xuất...*) và tại biên bản kiểm tra, nghiệm thu 01 xe mẫu tại nơi sản xuất thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận cả lô hàng, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm toàn bộ chi phí có liên quan đến lô hàng, kể cả chi phí tái xuất (nếu có).

Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra, nghiệm thu đối với hàng hóa như đã nêu ở trên và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra, nghiệm thu (bao gồm chi phí nhiên liệu (xăng, dầu...), địa điểm, phương tiện và thiết bị hỗ trợ kiểm tra và các điều kiện cần thiết khác (nếu có).

Các chi phí liên quan đến tham dự thử nghiệm, kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa của Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư (bao gồm chi phí đi lại, lưu trú) tại kho của Chủ đầu tư do Chủ đầu tư chịu.